

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 381/2019/DS-PT

Ngày: 28 - 8 - 2019

V/v Tranh chấp di sản thừa kế và yêu
cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán:

Ông Trương Văn Bình

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Tấn Thông - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2019/TLPT-DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1796/2019/QĐXX-PT ngày 30 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị NĐ, sinh năm 1932 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1136/57, tổ 57, khóm B1, phường B2, thành phố L1, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị R, sinh năm 1949.

Địa chỉ: Tổ 13, ấp B3, xã B, huyện L2, tỉnh An Giang, (Giấy ủy quyền ngày 11/12/2012) (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị BĐ, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Số 15, tổ 01, ấp B4, xã B, huyện L2, tỉnh An Giang (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Phan Thị R, sinh năm 1949 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 13, ấp B3, xã B, huyện L2, tỉnh An Giang.

2. Ông Phan Thanh NLQ1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số 1148A/58, khóm B1, phường B2, thành phố L1, tỉnh An Giang.

3. Bà Phan Thị Thanh NLQ2, sinh năm 1961.

Địa chỉ: 1150B/58, khóm B1, phường B2, TP.L1, tỉnh An Giang.

4. Bà Phan Thị Kim NLQ3, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp K1, xã K2, thành phố L1, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3: Bà Phan Thị R (Giấy ủy quyền ngày 11/3/2016) (Có mặt).

5. Chị Lê Thị Kim NLQ4, sinh năm 1982 (vắng mặt).

6. Chị Phan Thị NLQ5, sinh năm 1990 (vắng mặt).

7. Chị Lê Thị Kim NLQ6, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 136, tổ 01, ấp B, xã B, huyện L2, tỉnh An Giang.

8. Ông Phan Văn NLQ7, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3, khóm K3, phường K4, thành phố L1, tỉnh An Giang.

9. Bà Phan Thị NLQ8, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 27, ấp Trung 1, xã K5, huyện K6, tỉnh An Giang.

10. Ông Phan Văn NLQ9, sinh năm 1971 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, khóm K3, phường K4, thành phố L1, tỉnh An Giang.

11. Bà Phan Thị NLQ10, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp K5, xã K7, huyện K6, tỉnh An Giang.

12. Ông Phan Văn Bạo NLQ11, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 4, ấp K9, xã K8, huyện K6, tỉnh An Giang.

13. Ông Đỗ Phúc NLQ12, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 647/5A, tổ 13, ấp K10, phường K4, thành phố L1, tỉnh An Giang .

14. Ông Phan Văn NLQ13, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 21, ấp B4, xã B, huyện L2, tỉnh An Giang.

15. Ủy ban nhân dân huyện L2, tỉnh An Giang (vắng mặt).

16. Ủy ban nhân dân xã B, huyện L2, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bà Phan Thị R.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của nguyên đơn - bà Huỳnh Thị NĐ (có Bà Phan Thị R đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Chồng của bà Huỳnh Thị NĐ là ông Phan Văn S (chết năm 2004) không để lại di chúc. Ông S có 04 người vợ và các con gồm:

1. Bà Huỳnh Thị NĐ có 04 người con chung gồm: Bà Phan Thị R, ông Phan Thanh NLQ1, bà Phan Thị Thanh NLQ2, bà Phan Thị Kim NLQ3.

2. Bà Nguyễn Thị N (chết năm 1993) có 06 người con chung gồm: Bà Phan Thị Bé H (chết 2017) có 3 người con là chị Lê Thị Kim NLQ4, Chị Phan Thị NLQ5, chị Lê Thị Kim NLQ6, ông Phan Văn NLQ7, bà Phan Thị NLQ8, ông Phan Văn NLQ9, Bà Phan Thị NLQ10 (Thúy), ông Phan Văn Bạo NLQ11.

3. Bà Phùng Thị L (chết) có 01 người con chung là ông Đỗ Phúc NLQ12.

4. Bà Nguyễn Thị BĐ không có con chung (chung sống năm 1989, không có đăng ký kết hôn)

Ông S chết để lại di sản thừa kế là phần đất nông nghiệp diện tích 12.480m², tọa lạc xã V1, huyện L2, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00531 QSDĐ/iH ngày 20/9/1993 cho ông Phan Văn S. Nguồn gốc đất do cha của ông S là ông Phan Văn K để lại cho ông S và bà NĐ vào khoảng năm 1948. Vào tháng 5/2004 bà BĐ (Vợ thứ tư của ông S) chuyển nhượng cho người khác phần đất diện tích 9.986m², bà NĐ không tranh chấp.

Phần đất còn lại diện tích 2.494m² (Đo đạc thực tế theo Bản trích đo hiện trạng khu đất ngày 07/8/2018 có diện tích 2.297m²), tờ bản đồ số 08, số thửa 50, tọa lạc tại xã B, huyện L2, tỉnh An Giang, sau khi ông S chết bà BĐ đã làm thủ tục sang tên và được UBND huyện L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00704/QSDĐ/qH ngày 20/9/2004 cho bà BĐ, hiện nay bà NĐ đang giữ bản

chính. Sau đó, bà BÐ báo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thất lạc nên xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00765 ngày 21/6/2010 (bản nhì). Khi làm thủ tục sang tên từ ông S qua tên bà BÐ, bà và các con ông S không ký tên.

Nay, bà yêu cầu được chia di sản thừa kế đối với phần đất diện tích 2.297m² cho bà NÐ và các con ông S mỗi người được hưởng 01 suất thừa kế theo quy định của pháp luật, bà yêu cầu được nhận đất để canh tác và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà BÐ. Bà đồng ý trích công sức đóng góp giữ gìn làm tăng giá trị đất cho bà BÐ số tiền 10.000.000đ trước khi chia thừa kế.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị BÐ trình bày:

Bà thống nhất theo hàng thừa kế và di sản thừa kế của ông S như bà NÐ trình bày. Sau khi ông S chết bà BÐ đã chuyển nhượng cho người khác phần đất diện tích 9.986m² để trả nợ, lo thuốc thang, ma chay cho ông S và chia cho mỗi người con của ông S là 1.000.000đ, hiện nay phần đất này đã được thỏa thuận xong nên bà không tranh chấp. Phần đất còn lại diện tích 2.494m² (Đo đạc thực tế có diện tích 2.297m²) vào năm 1989 bà chung sống với ông S thì phần đất này đã cầm cố cho bà Nguyễn Thị E (Đã chết) 01 chỉ vàng 24kara loại vàng thị trường nên bà đã bỏ ra 01 chỉ vàng để chuộc lại đất, bà và ông S đã sử dụng phần đất này từ năm 1989 đến nay. Sau khi ông S chết, bà BÐ làm thủ tục sang tên cho bà đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00704 ngày 20/9/2004 nhưng bà không biết Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà NÐ quản lý nên đã báo bị thất lạc và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00765 ngày 21/6/2010 (bản nhì). Khi làm thủ tục sang tên từ ông S qua bà BÐ, bà NÐ và các con ông S không ký tên.

Bà không đồng ý chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Phan Thị R, ông Phan Thanh NLQ1, bà Phan Thị Thanh NLQ2, bà Phan Thị Kim NLQ3 (ông NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3 ủy quyền cho Bà Phan Thị R) và bà Phan Thị NLQ8, Bà Phan Thị NLQ10, ông Phan Văn Bạo NLQ11, ông Đỗ Phúc NLQ12 trình bày:

Các ông bà thống nhất về hàng thừa kế và di sản thừa kế của ông S như nguyên đơn đã trình bày trên. Đối với phần đất diện tích 2.494m² (Đo đạc thực tế có diện tích 2.297m²). Các ông bà thống nhất theo yêu cầu bà NÐ được chia di sản thừa kế của cha cho bà NÐ và 11 người con của ông S mỗi người được chia một suất thừa kế theo quy định của pháp luật. Các ông, bà đồng ý trích công

sức đóng góp giữ gìn làm tăng giá trị đất cho bà BĐ số tiền 10.000.000đ trước khi chia thừa kế.

Ủy ban nhân dân huyện L2 (có ông Đỗ Chí Q đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CH00765 ngày 21/6/2010 thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.949m², loại đất chuyên trồng lúa nước cho bà BĐ, đất tọa lạc tại xã B, huyện L2, tỉnh An Giang là đúng theo quy định, trình tự (Theo Điều 50 của Luật đất đai năm 2003 và Điều 42 của Nghị định 181/2004/NĐ-CP). Không thống nhất việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà BĐ.

Chị Lê Thị Kim NLQ4, Chị Phan Thị NLQ5, chị Lê Thị Kim NLQ6, ông Phan Văn NLQ7, ông Phan Văn NLQ9, ông Phan Văn NLQ13 và Ủy ban nhân dân xã B không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 120/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị NĐ yêu cầu được chia di sản thừa kế của ông Phan Văn S, chết năm 2004.

2. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Phan Văn S, chết năm 2004 gồm có vợ là bà Huỳnh Thị NĐ và 11 người con là Bà Phan Thị R, ông Phan Thanh NLQ1, bà Phan Thị Thanh NLQ2, bà Phan Thị Kim NLQ3, bà Phan Thị Bé H (Đã chết 2017) có 3 người con là chị Lê Thị Kim NLQ4, Chị Phan Thị NLQ5, chị Lê Thị Kim NLQ6 và ông Phan Văn NLQ7, bà Phan Thị NLQ8, ông Phan Văn NLQ9, Bà Phan Thị NLQ10, ông Phan Văn Bạo NLQ11, ông Đỗ Phúc NLQ12.

3. Di sản thừa kế của ông Phan Văn S, chết năm 2004 để lại có giá trị 81.880.000đ được chia theo pháp luật cho 12 người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S mỗi người được chia 01 suất thừa kế có giá trị 6.823.000đ.

4. Bà Nguyễn Thị BĐ được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất diện tích 2.297m², tờ bản đồ số 08, số thửa 50, mục đích sử dụng 2L, tọa lạc tại xã B, huyện L2, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00704/QSĐĐ/qH ngày 20/9/2004 cấp cho bà Nguyễn Thị BĐ.

5. Bà Nguyễn Thị BĐ có nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà Huỳnh Thị NĐ, Bà Phan Thị R, ông Phan Thanh NLQ1, bà Phan Thị Thanh NLQ2, bà Phan Thị Kim NLQ3, ông Phan Văn NLQ7, bà Phan Thị NLQ8, ông Phan Văn NLQ9, Bà Phan Thị NLQ10 (Thúy), ông Phan Văn Bạo NLQ11, ông Đỗ Phúc NLQ12 mỗi người 01 suất thừa kế có giá trị 6.823.000đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng).

6. Bà Nguyễn Thị BĐ có nghĩa vụ hoàn giá trị cho chị Lê Thị Kim NLQ4, Chị Phan Thị NLQ5, chị Lê Thị Kim NLQ6 01 suất thừa kế có giá trị 6.823.000đ (Sáu triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng).

7. Buộc bà Huỳnh Thị NĐ có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị BĐ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00704/QSDĐ/qH ngày 20/9/2004 do UBND huyện L2 cấp cho bà Nguyễn Thị BĐ.

8. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00765 ngày 21/6/2010 (bản nhì) do UBND huyện L2 cấp cho bà Nguyễn Thị BĐ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/12/2018, Bà Phan Thị R có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu được chia di sản thừa kế do ông S để lại bằng hiện vật và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị BĐ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị R kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Yêu cầu xem xét nguồn gốc diện tích 2.494m² đất là tài sản chung của ông S và bà NĐ, chia di sản thừa kế bằng hiện vật và hủy giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị BĐ.

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị NĐ, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phan Thanh NLQ1, bà Phan Thị Thanh NLQ2, bà Phan Thị Kim NLQ3 (đều có Bà Phan Thị R đại diện theo ủy quyền), cùng có yêu cầu như Bà Phan Thị R.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị BĐ không đồng ý yêu cầu kháng cáo của Bà Phan Thị R, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phan Văn NLQ7, bà Phan Thị NLQ8, ông Phan Văn NLQ9, Bà Phan Thị NLQ10, ông Phan Văn Bạo NLQ11, chị Lê Thị Kim NLQ4, Chị Phan Thị NLQ5, chị Lê Thị Kim NLQ6, ông Đỗ Phúc NLQ12, ông Phan Văn NLQ13, Ủy ban nhân dân huyện L2, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân xã B, huyện L2, đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Phan Văn NLQ7, bà Phan Thị NLQ8, ông Phan Văn NLQ9, Bà Phan Thị

NLQ10, ông Phan Văn Bạo NLQ11, chị Lê Thị Kim NLQ4, Chị Phan Thị NLQ5, chị Lê Thị Kim NLQ6, ông Đỗ Phúc NLQ12, ông Phan Văn NLQ13, Ủy ban nhân dân huyện L2, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân xã B, huyện L2, tỉnh An Giang được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

Về nội dung: Bà Phan Thị R kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bà Phan Thị R và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai những người không có kháng cáo nhưng có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo: ông Phan Văn NLQ7, bà Phan Thị NLQ8, ông Phan Văn NLQ9, bà Phan Thị NLQ10, ông Phan Văn Bạo NLQ11, chị Lê Thị Kim NLQ4, chị Phan Thị NLQ5, chị Lê Thị Kim NLQ6, ông Đỗ Phúc NLQ12, ông Phan Văn NLQ13, Ủy ban nhân dân huyện L2, tỉnh An Giang và Ủy ban nhân dân xã B, huyện L2, tỉnh An Giang nhưng những người này vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, Bà Phan Thị R kháng cáo yêu cầu xác định nguồn gốc của diện tích 2.494m² đất các bên đang tranh chấp là tài sản chung của ông S và bà NĐ. Khi chia di sản do ông S để lại phải chia cho bà NĐ ½ diện tích, phần còn lại chia đều cho các thừa kế của ông S; chia di sản thừa kế bằng hiện vật và yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00704/QSDĐ/qH ngày 20/9/2004 và số CH00765 ngày 21/6/2010 (bản nhì) do UBND huyện L2, tỉnh An Giang cấp cho bà BĐ vì bà BĐ chung sống với ông S không có đăng ký kết hôn, không phải là người thừa kế của ông S.

[3] Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, ông Phan Văn S (1930-2004) có 04 người vợ và các con:

1. Bà Huỳnh Thị NĐ có 04 người con chung gồm: Bà Phan Thị R, ông Phan Thanh NLQ1, bà Phan Thị Thanh NLQ2, bà Phan Thị Kim NLQ3.

2. Bà Nguyễn Thị N (chết năm 1993) có 06 người con chung gồm: Bà Phan Thị Bé H (chết 2017) có 3 người con là chị Lê Thị Kim NLQ4, Chị Phan Thị

NLQ5, chị Lê Thị Kim NLQ6, ông Phan Văn NLQ7, bà Phan Thị NLQ8, ông Phan Văn NLQ9, Bà Phan Thị NLQ10 (Thúy), ông Phan Văn Bạo NLQ11.

3. Bà Phùng Thị L (chết) có 01 người con chung là ông Đỗ Phúc NLQ12.

4. Bà Nguyễn Thị BD chung sống với ông S từ năm 1989, không có đăng ký kết hôn, không có con chung.

[4] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định do bà Phan Thị Bé H (chết 2017) là con của ông S nên đưa các con bà H vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng nhưng chưa thu thập chứng cứ chồng của bà H là ai, hiện còn sống hay đã mất (nếu còn sống phải đưa vào tham gia tố tụng) là thiếu sót.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, ông bà Lê Thị Kim NLQ4, Phan Thị NLQ10, Lê Thị Kim NLQ6, Phan Văn NLQ7, Phan Văn NLQ9, Phan Văn NLQ13 không đến Tòa án để cung cấp bản tự khai, tham gia hoà giải và phiên tòa. Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành niêm yết giải quyết vụ án vắng mặt những người này.

[5.1] Khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: “...*Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt, thông báo. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ vụ án.*

Trường hợp người được cấp, tổng đạt, thông báo vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của họ thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt, thông báo, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường, thị trấn; đồng thời, thực hiện thủ tục niêm yết công khai văn bản cần tổng đạt theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật này. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ vụ án”;

[5.2] Khoản 1 Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về thủ tục niêm yết công khai: “*Việc niêm yết công khai văn bản tố tụng được thực hiện trong trường hợp không thể cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật này*”.

[5.3] Hồ sơ vụ án thể hiện, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ lập biên bản các đương sự nêu trên không có mặt, không rõ thời gian trở về, nhà khoá cửa không có ai trong nhà, hay đương sự không chịu nhận văn bản, từ đó, thực hiện việc niêm

yết là không đúng quy định pháp luật tố tụng về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng cho đương sự. Lẽ ra, với những lý do nêu trên thì người thực hiện việc tổng đạt phải lập biên bản và giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng nơi cư trú với họ hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, để thực hiện việc ký nhận hoặc điểm chỉ và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt, thông báo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện mà tiến hành niêm yết là chưa đúng với thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng.

[5.4] Đối với thủ tục niêm yết, Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Lẽ ra, phải thu thập chứng cứ xác định những người này vắng mặt ở nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ nơi cư trú mới của họ mới rồi tiến hành lập biên bản không tổng đạt được và niêm yết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ lập biên bản không tổng đạt với những lý do mục [5.3] là chưa đảm bảo thủ tục. Hơn nữa, thủ tục niêm yết cho các đương sự khác nhau, ở những địa chỉ khác nhau, từ giai đoạn thông báo thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, hoà giải, xét xử đến khi thông báo kháng cáo cũng không đúng quy định. Đa số các biên bản niêm yết được lập cùng ngày giờ phút nhưng lại được tiến hành ở những địa điểm khác nhau, cho các đương sự khác nhau và tương tự biên bản kết thúc cùng ngày giờ phút ở những địa điểm khác nhau, đương sự khác nhau. Như vậy, các thủ tục niêm yết là không đúng với thực tế, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[6] Hồ sơ vụ án thể hiện, bà ND khai, nguồn gốc đất do cha của ông S là ông Phan Văn K để lại cho ông S và bà ND lúc ra riêng vào khoảng năm 1948. Bà ND yêu cầu Tòa án chia mỗi người $\frac{1}{2}$ diện tích đất. Sau đó, phần di sản của ông S để lại chia đều cho các thừa kế.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất diện tích 2.297m², tờ bản đồ số 08, số thửa 50, mục đích sử dụng 2L, tọa lạc tại xã B, huyện L2, tỉnh An Giang là di sản thừa kế do ông S để lại chia đều cho các thừa kế của ông S nhưng chưa thu thập chứng cứ nguồn gốc diện tích đất nêu trên có phải là tài sản chung của ông S bà ND hay không, từ đó, xác định yêu cầu khởi kiện cụ thể của bà ND cũng như các đương sự là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, chưa giải quyết hết các yêu cầu của nguyên đơn và các đương sự.

[8] Tại đơn khởi kiện, tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu được nhận di sản thừa kế ông S để lại bằng hiện vật (cụ thể đất), không đồng ý nhận giá trị bằng tiền.

[9] Theo quy định tại Điều 685 Bộ luật dân sự 2005 (Điều 660 Bộ luật dân sự 2015) quy định những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia bằng hiện vật những người thừa kế thoả thuận định giá và thoả thuận nhận hiện vật.

[10] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng phần đất diện tích 2.297m² là loại đất trồng lúa, nếu chia đất thì diện tích không đủ để tách thửa nên không thể chia đất cho bà NĐ sử dụng. Do đó, giao đất cho bà BĐ tiếp tục quản lý, sử dụng và bà BĐ có nghĩa vụ hoàn giá trị cho bà NĐ là vợ ông S và 11 người con của ông S mỗi người 01 suất thừa kế có giá trị 6.823.000đ là chưa phù hợp với quy định pháp luật nêu trên.

[11] Trường hợp này, khi giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm phải tham khảo các cơ quan chức năng quản lý đất đai tại địa phương, phần đất các bên đang tranh chấp có nằm trong diện quy hoạch, đền bù giải toả hay không, có được tách thửa hay không; nếu có, diện tích bao nhiêu m² mới đảm bảo cho việc tách thửa nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện và cho rằng không thể chia bằng hiện vật là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[12] Ngoài ra, để giải quyết triệt để yêu cầu của đương sự trong việc yêu cầu chia di sản thừa kế bằng hiện vật, Tòa án cấp sơ thẩm nên chia di sản thừa kế cho các Chi của các vợ con của ông S, cụ thể: Chi của bà NĐ, Chi của bà Nga và Chi của bà L. Ngoài ra, bà BĐ không phải là người thừa kế của ông S nhưng là người có nhiều công sức quản lý trông nom phần đất này nên theo quy định pháp luật Dân sự; Án lệ số 05/2016/AL, bà BĐ cũng phải hưởng 01 suất thừa kế mới đảm bảo quyền lợi cho bà BĐ. Như vậy, di sản của ông S để lại được chia cho 04 Chi nêu trên (ưu tiên chia phần đất có tài sản gắn liền trên đất là căn nhà bà BĐ đang sử dụng cho bà BĐ).

[13] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng, tiến hành thủ tục niêm yết không đảm bảo và thu thập chứng cứ chưa đầy đủ. Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, sửa chữa những sai sót đó của Tòa án cấp sơ thẩm, và để đảm bảo yêu cầu của các đương sự được hai cấp xét xử nên hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Do bản án sơ thẩm bị hủy vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết nội dung vụ án.

[14] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị R không phải chịu theo quy định pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tuyên xử:

Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 120/2018/DS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc “Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị NĐ, sinh năm 1932

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị R, sinh năm 1949

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị BĐ, sinh năm 1946

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị R, sinh năm 1949

3.2. Ông Phan Thanh NLQ1, sinh năm 1959

3.3. Bà Phan Thị Thanh NLQ2, sinh năm 1961

3.4. Bà Phan Thị Kim NLQ3, sinh năm 1964

Người đại diện hợp pháp của ông NLQ1, bà NLQ2, bà NLQ3: Bà Phan Thị R là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 11/3/2016

3.5. Chị Lê Thị Kim NLQ4, sinh năm 1982

3.6. Chị Phan Thị NLQ5, sinh năm 1990

3.7. Chị Lê Thị Kim NLQ6, sinh năm 1984

3.8. Ông Phan Văn NLQ7, sinh năm 1964

3.9. Bà Phan Thị NLQ8, sinh năm 1969

3.10. Ông Phan Văn NLQ9, sinh năm 1971

3.11. Bà Phan Thị NLQ10, sinh năm 1969

3.12. Ông Phan Văn Bạo NLQ11, sinh năm 1970

3.13. Ông Đỗ Phúc NLQ12, sinh năm 1978

3.14. Ông Phan Văn NLQ13, sinh năm 1984

3.15. Ủy ban nhân dân huyện L2, tỉnh An Giang

3.16. Ủy ban nhân dân xã B, huyện L2, tỉnh An Giang

Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án nêu trên về Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí thủ tục khác sẽ được xác định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phan Thị R không phải chịu. Hoàn trả lại 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí cho Bà Phan Thị R theo Biên lai thu số 0001588 ngày 06/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Văn Bình Nguyễn Văn Minh

Phan Nhựt Bình